

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Khuru Liên Dung

2- Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Lệ S - sinh năm 1980.

HKTT: Đường V, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Ngọc T - sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà S và ông Dương Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/5/2009. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý

kiến, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bốn năm trước bà S đã từng nộp đơn xin ly hôn, sau đó cho ông T cơ hội để hàn gắn nhưng thấy rằng không thể tiếp tục chung sống. Đã sống ly thân 06 tháng. Nên nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Dương Tuệ A, sinh ngày 05/7/2011. Con hiện đang sống cùng bà S. Khi ly hôn bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà S tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/5/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên nó không lớn đến mức phải ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn với bà S.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Dương Tuệ A, sinh ngày 05/7/2011. Con hiện đang sống cùng bà S. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Lệ S đối với ông Dương Ngọc T.

Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho bà S nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà S không yêu cầu.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Đặng Thị Lệ S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Ngọc T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Xét thấy bà Đặng Thị Lệ S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Dương Ngọc T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà S, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Lệ S và ông Dương Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/5/2009, cho nên hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà S và ông T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân 06 tháng.

Bà S xác định đã nhiều lần cho ông T có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đều không thể hàn gắn được. Ông T cho rằng, có mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng mâu thuẫn không lớn đến mức phải ly hôn, nên không đồng ý ly hôn.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà S và ông T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình , Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, cho bà S được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà Đặng Thị Lệ S và ông Dương Ngọc T xác định quá trình chung sống, một con chung tên Dương Tuệ A, sinh ngày 05/7/2011. Con hiện đang sống cùng bà S. Khi ly hôn bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T xác định nếu Tòa án cho ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung là Dương Tuệ A cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được phép cản trở.

Ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà S không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Đặng Thị Lệ S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Lệ S đối với ông Dương Ngọc T. Bà Đặng Thị Lệ S được ly hôn với ông Dương Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Tuệ A, sinh ngày 05/7/2011 cho bà Đặng Thị Lệ S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay con chung đang sống cùng bà S, nên bà S được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Đặng Thị Lệ S không yêu cầu ông Dương Ngọc T cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Dương Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Lệ S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006678 ngày 27/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND thành Tp Bạc Liêu
- CCTHADS Tp Bạc Liêu
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Lam